

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 961/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 05 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2006 cho Dự án phát triển cây chè
tỉnh Phú Thọ, sử dụng vốn AFD**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thỏa ước mở tín dụng số CVN 1054 01E và CVN 1054 02F ký ngày 13/9/2005 giữa Bộ Tài chính và Cơ quan Phát triển Pháp AFD về việc tài trợ cho Dự án Phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Văn bản số 12491/BTC-TCĐN ngày 04/10/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn giải ngân và cơ chế tài chính áp dụng đối với dự án;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 66/SKH-KTĐN ngày 30/3/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2006 cho Dự án Phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ, sử dụng vốn AFD như sau:

(Theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giao, Ban quản lý dự án tỉnh và các chủ hợp phần dự án phối hợp với UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng ban QLDA phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ; giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Phú Thọ; Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng giao thông Phú Thọ; Chủ tịch UBND các huyện: Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Phù Ninh, Thanh Ba và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hải (Đã ký)

Phụ lục số 01:

KẾ HOẠCH TRỒNG CHÈ NĂM 2006
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Huyện	Trồng chè (ha)		Vốn vay AFD (Triệu đồng)		Vốn vay dân (Triệu đồng)	
		Trồng mới	Thâm canh	Trồng mới	Thâm canh	Trồng mới	Thâm canh
1	Đoan Hùng	54	88	1.585,386	507,320	497,340	102,608
2	Hạ Hòa	80	70	2.348,720	403,550	736,800	81,620
3	Thanh Ba	100	157	2.935,900	905,105	921,000	183,062
4	Phù Ninh	60	65	1.761,540	374,725	552,600	75,790
5	Yên Lập	80	65	2.348,720	374,725	736,800	75,790
6	Cẩm Khê	76	90	2.231,284	518,850	699,960	104,940
7	Thanh Sơn	150	89	4.403,850	513,085	1.381,500	103,774
8	Thanh Thủy	30	-	880,770	-	276,300	-
	Cộng	630	624	18.496,170	3.597,360	5.802,300	727,585

Tổng nhu cầu vốn năm 2006: 28.623,415 triệu đồng, trong đó:

- Vốn vay AFD: 22.093,530 triệu đồng
- Vốn dân tự huy động (bằng công lao động, phân bón hữu cơ): 6.529,885 triệu đồng

Phụ lục số 02:

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG ĐƯỜNG GTNT NĂM 2006
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Huyện	Tuyến đường	Số Km	Dự kiến vốn đầu tư (Triệu đồng)	
				Tổng số	T.đó: Vốn vay AFD
1	Đoan Hùng	Tuyến Ngọc Quan – Yên Kien	5,1	2.050	1.800
2	Hạ Hòa	Xã Phúc Khánh	3,0	1.250	1.050
		Xã Xuân Áng	3,0	1.250	1.050
3	Thanh Ba	Xã Khải Xuân	6,6	2.650	2.300
4	Thanh Thủy	Tuyến Đồi chè – cầu Thắng sơn	2,5	1.050	900
		Tuyến Sơn Thủy – Suối Rồng – Đồi chè	1,5	620	550
		Tuyến Phượng Mao – Đồi Bút – Làng Xẻo	1,5	620	550
5	Thanh Sơn	Tuyến Mật Cát – Văn Miếu	3,0	1.250	1.050
		Tuyến Quyết Tiến – Địch Quả	2,0	908	720
Cộng			28,2	11.648	10.000

Tổng nhu cầu vốn năm 2006: 11.648 triệu đồng, trong đó:

- Vốn vay AFD: 10.000, triệu đồng
- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 1.648, triệu đồng

Phụ lục số 03:

KẾ HOẠCH MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ BAN ĐẦU CHO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Thiết bị	Chủng loại	Số lượng	Đơn giá (D. kiến)	Kinh phí	Ghi chú
1	Ô tô 5 chỗ ngồi	Mishumishi Pasero hoặc (NISAN)	01 chiếc	900	900	Hai cầu gầm cao
2	Máy tính văn phòng		03 bộ	15	45	
3	Máy tính xách tay	TOSHIBA TECRA M2V	05 chiếc	28	140	
4	Máy Photocopy	RICOH 5640	01 chiếc	50	50	
5	Máy ảnh, máy quay phim	SONY KT SỐ	01 chiếc	19	19	
6	Tủ lạnh	TOSHIBA 150L	01 chiếc	4	4	
7	Máy điều hòa 2 chiều	18BTU	01 chiếc	15	15	
8	Điện thoại các loại		05 chiếc		20	
9	Bàn ghế, tủ văn phòng		-	-	7	
	Cộng				1.200,000	

Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Ban QLDA tỉnh: 1.200 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp: 1.200 triệu đồng

Phụ lục số 04:

KẾ HOẠCH MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ BAN ĐẦU CHO CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Thiết bị	Số lượng	Đơn giá (D. kiến)	Thành tiền	Đơn vị được hưởng	Ghi chú
1	Máy Fax laser CANON L220 sử dụng giấy A4	11 chiếc	5,50	60,50	Các huyện, TTKN Ban QLDA tỉnh	
2	Máy tính văn phòng ĐNA	11 bộ	15,00	165,00	nt	
3	Bộ máy chiếu:	11 chiếc	25,50	280,50	Nt	
	- Máy chiếu Panasonic PT-LB10S (Nhật)	11 chiếc	25,50	280,50	Nt	
	- Máy tính xách tay NOTEBOOK TOSHIBA TECRA S2.P4301	11 chiếc	1,70	18,70	Nt	
4	Màn hình TOPEIFE TM18 (Mỹ) 1,78.1,78	8 chiếc	22,00	176,00	8 huyện	
5	Xe máy	8 bộ	2,00	16,00	8 huyện	
	Bàn ghế làm việc, tủ tài liệu					
	Cộng			997,20		

Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị cho công tác khuyến nông: 997,2 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp: 997,2 triệu đồng

Phụ lục số 05:

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2006
Dự án phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ sử dụng vốn AFD
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Các hợp phần của dự án	Tổng vốn của dự án				Vốn kế hoạch năm 2006		
	Tổng số	Vốn AFD	Vốn NS tỉnh	Vốn huy động dân	Vốn AFD	Vốn NS tỉnh	Vốn huy động dân
1. Tín dụng trồng chè:	133.038,408	102.491,740	-	30.546,668	22.093,530	-	6.529,885
- Trồng mới	115.708,256	88.078,256	-	27.630,000	18.496,170	-	5.802,300
- Thâm canh	17.330,152	14.413,484	-	2.916,668	3.597,360	-	727,585
2. Xây dựng GTNT:	52.110,980	40.612,712	11.489,268	-	10.000	1.648,000	-
- Khảo sát thiết kế, KTCB khác	2.875,000	-	2.875,000	-	-	1.148,000	-
- Đền bù GPMB	6.487,768	-	6.487,768	-	-	500,000	-
- Xây lắp	40.612,712	40.612,712	-	-	10.000	-	-
- Bảo dưỡng đường	2.135,500	-	2.135,500	-	-	-	-
3. Các biện pháp đi kèm:	19.420,000	15.520,000	3.900,000	-	3.841,790	840,000	-
- Khuyến nông ĐT	5.121,720	5.121,720	-	-	2.066,190	-	-
- Hỗ trợ kỹ thuật							
+ HTKT sản xuất	2.641,000	2.641,000	-	-	-	-	-
+ HTKT kiểm tra chất lượng	2.622,000	2.622,000	-	-	-	-	-
+ Theo dõi đánh giá k.toán	3.935,280	3.935,280	-	-	575,600	-	-
- Quản lý dự án	5.100,000	1.200,000	3.900,000	-	1.200,000	840,000	-
4. Dự phòng	7.020,000	7.020,000	-	-	-	-	-
Cộng	211.589,388	158.633,452	15.389,268	30.546,668	35.935,32	2.488,000	6.529,885

Tổng vốn năm 2006: 44.953,205 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trồng chè: 28.623,415 triệu đồng (T.đó: Vốn vay AFD: 22.093,53 triệu đồng, vốn của dân: 6.529,885 triệu đồng)

- Vốn xây dựng đường GTNT: 11.648 triệu đồng (T.đó: Vốn vay AFD: 10.000 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách: 1.648 triệu đồng)

- Vốn các biện pháp đi kèm: 4.681,79 triệu đồng (T.đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp: 3.841,79 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 840 triệu đồng)